Bài 8: Cáo Và Dê

Thứ Hai: Tập Đọc

Chờ đợi: *waiting*	**Xảo quyệt:** *cunning, crafty*	**Chồm:** *jump on*
Ngu ngốc: *foolish*	**Cảnh ngộ:** *plight*	**Năn nỉ:** *beg, plead*

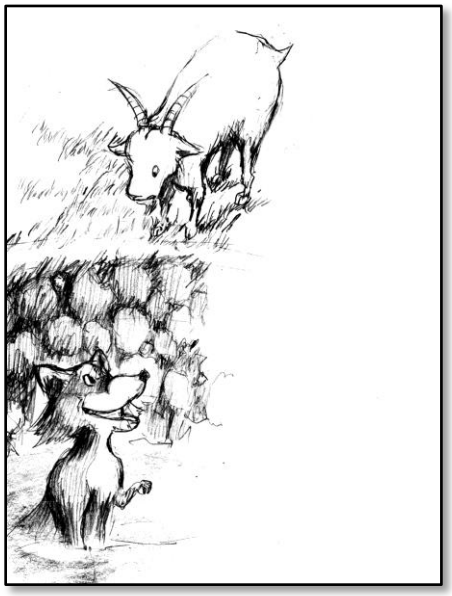

Một con Cáo rơi xuống giếng, mặc dù giếng không sâu, nhưng nó vẫn thấy khó lòng lên được khỏi miệng giếng.

Sau một lúc nằm chờ đợi rất lâu, một con Dê khát nước tìm đến giếng để uống. Dê cứ tưởng Cáo đã xuống giếng để uống nước, nên nó mới hỏi xem nước có ngon không.

Cáo xảo quyệt nói:

— *Ngon nhất trong vùng này đấy. Cứ nhảy xuống mà uống cho biết. Có nhiều nước lắm, cả hai ta uống cũng chẳng sao hết được.*

Dê khát nước bèn nhảy xuống ngay và chuẩn bị uống.

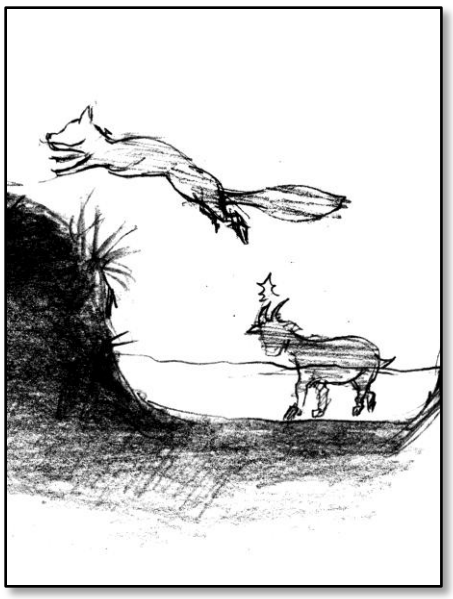

Ngay khi đó Cáo lập tức chồm lên lưng Dê, đạp lên sừng Dê nhảy lên khỏi miệng giếng. Con Dê ngu ngốc lúc đó mới hiểu ra được mình đã sa vào cảnh ngộ như thế nào.

Dê năn nỉ Cáo giúp đỡ kéo Đê lên. Cáo trả lời:

— *Nếu trí óc của mi mà cũng tốt như bộ râu kia của mi, Dê già ạ, thì mi phải nghĩ xem sẽ lên khỏi giếng bằng cách nào trước khi mi nhảy xuống chứ.*

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Dê tới giếng để làm gì?

2. Vì sao Dê lại nhảy xuống giếng?

3. Cáo đã làm gì để lên khỏi miệng giếng?

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn nghĩa thích hợp những từ sau.)

_____ 1. Một con Cáo rơi xuống giếng, mặc dù giếng không sâu, nhưng nó vẫn thấy **khó lòng** lên được khỏi miệng giếng. Từ "**khó lòng**" có nghĩa là:

a. Không bằng lòng. *b. Không thể được.* *c. Rất dễ dàng.*

_____ 2. Cáo **xảo quyệt** nói: "Ngon nhất trong vùng này đấy. Cứ nhảy xuống mà uống cho biết..." Từ "**xảo quyệt**" có nghĩa là:

a. Dối trá, lừa người khác. *b. Thật thà.* *c. Thông minh.*

_____ 3. Dê khát nước bèn nhảy xuống ngay và **chuẩn bị** uống. Từ "**chuẩn bị**" có nghĩa là:

a. Chờ đợi. *b. Mời gọi.* *c. Sẵn sàng.*

_____ 4. Ngay khi đó Cáo lập tức **chồm** lên lưng Dê, đạp lên sừng Dê nhảy lên khỏi miệng giếng. Từ "**chồm**" có nghĩa là:

a. Nhảy lên. *b. Nhảy qua.* *c. Nhảy xuống.*

_____ 5. Dê **năn nỉ** Cáo giúp đỡ kéo Dê lên. Từ "**năn nỉ**" có nghĩa là:

a. Cầu xin, van nài. *b. Chỉ bảo.* *c. Ra lệnh.*

_____ 6. Nếu **trí óc** của mi mà cũng tốt như bộ râu kia của mi, Dê già ạ, thì mi phải nghĩ xem sẽ lên khỏi giếng bằng cách nào trước khi mi nhảy xuống chứ. Từ "**trí óc**" có nghĩa là:

a. Khả năng nhận thức, suy nghĩ. *b. Mặt mũi.* *c. Tóc tai.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-8 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

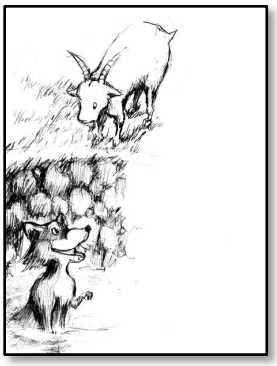

De cu tuong Cao da xuong gieng de uong nuoc, nen no moi hoi xem nuoc co ngon khong.

Co nhieu nuoc lam, ca hai ta uong cung chang sao het duoc.

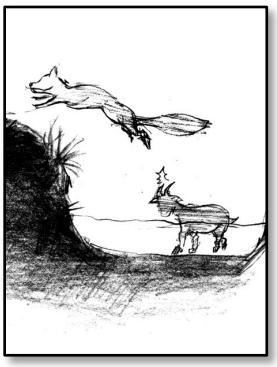

Con De ngu ngoc luc do moi hieu ra duoc minh da sa vao canh ngo nhu the nao.

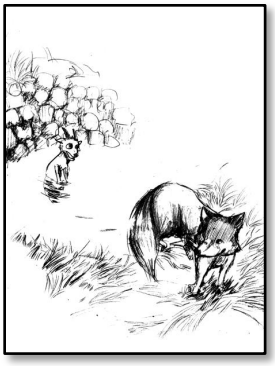

Mi phai nghi xem se len khoi gieng bang cach nao truoc khi mi nhay xuong chu.

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-8 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

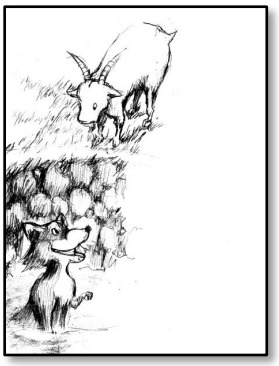

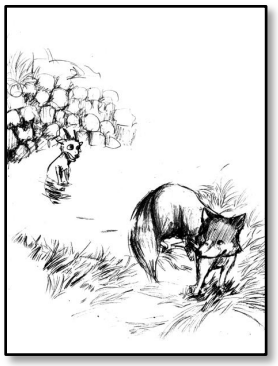

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-8 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả . Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Dê cứ tưởng Cáo đã xuốn giếng để uống nước, nên nó mới hỏi xem nước có nghon không. (3 lỗi)

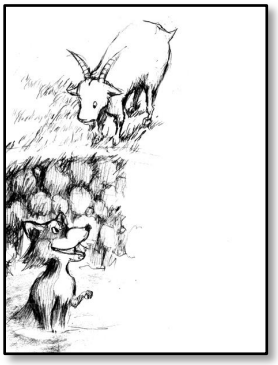

_____

_____

_____

_____

Có nhiều nước lấm, cả hai ta uống cũn chẳng sao hết đượt. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

Ngay khi đó Cáo lập tức chồm lên lưng Dê, đập lên sừng Dê nhải lên khỏi miện giếng. (3 lỗi)

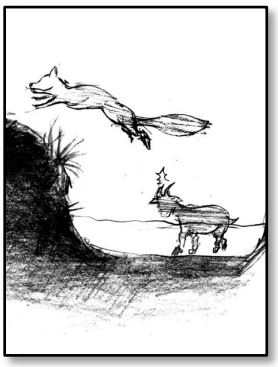

_____

_____

_____

_____

Thứ Năm: Tập Làm Văn – Tại Sao?

(Cho các em thêm chi tiết về lý do vào những câu sau.)

1. Em phải siêng năng làm bài tập.

   _____

   _____

   _____

2. Gia đình Tín dọn qua tiểu bang khác.

   _____

   _____

   _____

3. Bố dẫn Sơn đi coi xiếc.

   _____

   _____

   _____

4. Dì Ngọc đan cho Bé Vy một đôi găng tay.

   _____

   _____

   _____

5. Quốc gọi điện thoại cho Tân.

   _____

   _____

   _____

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Dậy:	*wake*	**Phút:**	*minute*
Trước khi:	*before*	**Chuẩn bị:**	*get ready*

Đồng hồ báo thức đang kêu. Vũ còn đang ngủ…

Mẹ: Vũ ơi! Tới giờ đi học rồi. Dậy đi con!
Vũ! It's time for school. Wake up!

Vũ: Mới có 7 giờ 15 sáng thôi. Cho con ngủ thêm chút nữa đi.
It's only 7:15 in the morning. Let me sleep a little longer.

Mẹ: Mới có 7 giờ 15 thôi?! Con chỉ còn mười lăm phút nữa trước khi phải đón xe buýt để đi học rồi. Thôi, đánh răng, rửa mặt rồi thay đồ để chuẩn bị đi học đi con.
Only 7:15?! You only have fifteen more minutes before catching the bus to go to school. Go brush your teeth, wash your face then change your clothes to get ready for school.

Vũ: Dạ.
Yes ma'am.

Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Watch:	*coi, xem*	**Days:**	*ngày*
Taking the test:	*thi kiểm tra*	**Dinner:**	*ăn tối*

Let me watch TV a little longer.

_____

_____

_____

I only have two more days before taking the test.

_____

_____

_____

Go wash your hand to get ready for dinner.

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____